

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ BÍCH LÀI

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ DỰA TRÊN
CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG (ABC) CHO NGÀNH MAY -
TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG
GIANG QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH
DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đều tính giá theo phương pháp truyền thống, trong đó có Công ty cổ phần may Trường Giang. Theo phương pháp tính giá truyền thống, chi phí gián tiếp được phân bổ dựa trên một tiêu thức thường là chi phí nhân công trực tiếp. Ngày nay, trong nền sản xuất cạnh tranh hiện đại, doanh nghiệp có thể tiến hành cung cấp nhiều loại sản phẩm và dịch vụ, sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau và nhiều máy móc thiết bị hiện đại được sử dụng hơn làm cho chi phí sản xuất chung ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, trong khi chi phí nhân công chiếm tỷ trọng ngày càng nhỏ. Chính vì vậy, sử dụng chi phí nhân công làm tiêu thức phân bổ sẽ làm sai lệch đáng kể giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Chính vì điều đó, cần phải có một phương pháp tính giá thành khác đó là phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC – Activity Based Costing

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Từ trước đến nay, đã có một số tác giả cũng nghiên cứu về phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) chủ yếu đi sâu vào việc hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí trong những doanh nghiệp có đặc thù khác nhau. Còn đề tài của tác giả cũng có hướng nghiên cứu ở một doanh nghiệp đặc thù, đó là nghiên cứu vận dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) cho ngành may nhằm mục đích giá thành được chính xác hơn.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

-Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến phương pháp tính giá ABC để ứng dụng phương pháp này vào kế toán chi phí

cho ngành may nói chung và Công ty cổ phần may Trường Giang nói riêng.

- Phân tích những đặc điểm của quá trình sản xuất ngành may. Từ đó chỉ ra khả năng vận dụng phương pháp ABC trong ngành may nói chung và Công ty cổ phần may Trường Giang nói riêng.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Luận văn sử dụng các phương pháp khảo sát, phân tích, hệ thống hóa, tổng hợp để trình bày các vấn đề tính giá tại Công ty cổ phần may Trường Giang.

- Luận văn sử dụng nguồn số liệu từ việc trực tiếp quan sát toàn bộ quá trình hoạt động tại Công ty kết hợp phỏng vấn những người có liên quan và minh họa bằng các số liệu lấy từ phòng kế toán, phòng kế hoạch của Công ty.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn tập trung nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm may như: Áo, quần của ngành may mặc.

b. Phạm vi nghiên cứu:

Vận dụng phương pháp ABC vào thực tiễn của một ngành sản xuất cụ thể là ngành may, nghiên cứu chính là tại Công ty cổ phần may Trường Giang.

6. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC)

Chương 2: Quá trình sản xuất sản phẩm và công tác tính giá thành trong ngành may – Trường hợp Công ty cổ phần may Trường Giang Quảng Nam.

Chương 3: Vận dụng phương pháp tính giá ABC cho ngành may và cụ thể tại Công ty cổ phần may Trường Giang.



CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ DỰA TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG (ABC)

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH ABC

1.1.1 – Sự ra đời phương pháp ABC

Vào những năm 1980, những hạn chế của hệ thống kế toán chi phí truyền thống đã trở nên phổ biến. Sau những năm 1980, những thách thức bắt đầu đặt ra cho việc tính toán và áp dụng những hệ thống thông tin chi phí mới. Do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, những dây chuyền sản xuất tự động đã trở nên phổ biến, nhiều loại sản phẩm được sản xuất ra hàng loạt, chi phí lao động chiếm tỷ trọng ngày càng nhỏ trong tổng chi phí sản xuất, trong khi chi phí quản lý và phục vụ sản xuất tăng dần và chiếm tỷ trọng đáng kể, việc phân bổ chi phí gián tiếp dựa trên tiêu thức phân bổ giản đơn trở nên không còn phù hợp.

Ngày nay, trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu mạnh mẽ, những quyết định sai lầm dựa trên thông tin chi phí không chính xác sẽ đưa doanh nghiệp rơi vào tình cảnh khó khăn trong kinh doanh. Việc cung cấp thông tin chi phí đáng tin cậy phục vụ cho việc ra quyết định trong môi trường cạnh tranh ngày nay đã trở nên cấp thiết và phương pháp ABC ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu này.

1.1.2. Khái niệm về phương pháp ABC

Từ trước đến nay, có khá nhiều khái niệm về phương pháp ABC, mỗi học giả trên thế giới có mỗi khái niệm khác nhau nhưng

nhìn chung phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (Activity Based Costing) là phương pháp tính giá thành mà việc phân bổ các chi phí gián tiếp cho sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở mức độ hoạt động của chúng.

1.1.3. Đặc điểm của phương pháp ABC

- Giá thành sản phẩm theo ABC bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ.

- Phương pháp ABC phân bổ chi phí phát sinh vào giá thành mỗi sản phẩm dựa trên mức chi phí thực tế cho mỗi hoạt động và mức độ đóng góp của mỗi hoạt động vào quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP

Nhìn chung, mô hình ABC được thực hiện thông qua các bước sau:

- Xác định các hoạt động chính.
- Tập hợp trực tiếp chi phí vào các hoạt động hoặc đối tượng chịu phí.
- Phân bổ chi phí các nguồn lực vào các hoạt động
- Phân bổ chi phí hoạt động vào các đối tượng chịu chi phí.

Nội dung chi tiết của từng bước như sau:

1.2.1 - Xác định các hoạt động chính

Để xác định các hoạt động có thể đặt ra những câu hỏi sau:

- Có bao nhiêu người làm việc trong bộ phận của bạn?
- Họ làm việc gì?
- Nguồn lực nào bị tiêu hao bởi những hoạt động nào?
- Kết quả của những hoạt động này? (nhằm xác định tiêu thức phân bổ các hoạt động và xác định đối tượng chịu phí)

- Nhân viên tốn bao nhiêu thời gian để thực hiện mỗi hoạt động? Bởi những thiết bị nào? (thông tin cần thiết để phân bổ chi phí lao động và thiết bị đến các hoạt động)

-

1.2.2 – Tập hợp trực tiếp chi phí vào các hoạt động hoặc đối tượng chịu phí.

Trong giai đoạn này, ngoài việc tập hợp chi phí thông thường được chi tiết theo tài khoản, nếu như xác định được các chi phí đang tập hợp sử dụng cho đối tượng chịu phí nào hay thuộc hoạt động nào thì tập hợp trực tiếp vào đối tượng chịu phí hay hoạt động đó. Các chi phí còn lại không thể tập hợp trực tiếp vào các hoạt động hoặc đối tượng chịu phí.

1.2.3 – Phân bổ chi phí các nguồn lực vào các hoạt động

Các chi phí nguồn lực được tiêu hao trong một giai đoạn nếu không thể tập hợp trực tiếp vào các hoạt động hoặc đối tượng chịu phí sẽ được tiếp tục phân bổ đến từng hoạt động trong hệ thống ABC.

Những chi phí nguồn lực này sẽ được phân bổ đến các hoạt động với các tiêu thức phân bổ dựa trên mối quan hệ nhân - quả, có thể áp dụng phương pháp đo lường mức độ tiêu hao nguồn lực vào các hoạt động hay tiến hành phỏng vấn những người làm việc trực tiếp hay những người quản lý nơi mà chi phí phát sinh để họ cung cấp những thông tin hợp lý cho việc ước lượng chi phí tiêu hao nguồn lực cho các hoạt động khác nhau.

1.2.4 – Phân bổ chi phí các hoạt động vào các đối tượng chịu phí

Để phân bổ chi phí các hoạt động tới các đối tượng chịu phí trong giai đoạn này, đòi hỏi phải lựa chọn tiêu thức phân bổ cho chi phí

các hoạt động. Tiêu thức phân bổ trong giai đoạn này gọi là tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động (Activity cost driver).

1.3. SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ABC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRUYỀN THỐNG, ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ.

1.3.1. So sánh phương pháp tính giá ABC và phương pháp tính giá truyền thống

Có thể thấy sự khác nhau cơ bản là ở chỗ phương pháp truyền thống sử dụng một tiêu thức phân bổ chung dựa trên sản lượng sản phẩm sản xuất ra hoặc chi phí tiền lương của lao động trực tiếp đối với chi phí sản xuất chung. Còn phương pháp ABC lựa chọn tiêu thức dựa trên cơ sở hoạt động của chúng.

1.3.2. Ưu và nhược điểm của phương pháp ABC

a. Ưu điểm

- Phương pháp ABC sử dụng một hệ thống các tiêu thức phân bổ được xây dựng trên cơ sở phân tích chi tiết mối quan hệ nhân quả giữa chi phí phát sinh cho từng hoạt động và mức độ tham gia của từng hoạt động vào quá trình sản xuất và kinh doanh sản phẩm.

- Phương pháp ABC cung cấp thông tin về nguyên nhân phát sinh chi phí

- Phương pháp ABC tính giá thành chính xác hơn phương pháp truyền thống

Việc áp dụng phương pháp ABC còn góp phần hỗ trợ hoạt động marketing trong việc xác định cơ cấu sản phẩm cũng như chính sách giá.

b. Nhược điểm

- Tiêu tốn về chi phí và thời gian. Các nghiên cứu cho thấy, cần một thời gian thường là hơn 1 năm để thiết kế và thực hiện ABC để đi đến thành công.

- Khi áp dụng phương pháp ABC, vẫn có nhiều trường hợp không thể phân bổ chi phí sản xuất chung chính xác, bởi vì nguyên nhân gây ra chi phí không thể tìm thấy hoặc rất khó để xác định, hoặc việc xác định chính xác đòi hỏi chi phí thu thập thông tin quá lớn.

- Phương pháp ABC đòi hỏi sự hợp tác của nhiều bộ phận trong doanh nghiệp.

1.4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỚI VIỆC QUẢN TRỊ DỰA TRÊN HOẠT ĐỘNG (ABM – ACTIVITY BASE MANAGEMENT)

1.4.1. Các quan điểm khác nhau về sự thành công trong việc áp dụng phương pháp ABC

Trong nghiên cứu của mình, Cooper tìm thấy rằng một dự án ABC thành công khi có sự bảo trợ hoặc định hướng của người quản trị, người có quyền tạo ra sự thay đổi.

Turney (1992) xác định mục tiêu của ABM là không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng và gia tăng lợi nhuận. Ông đã đề xuất ra 3 bước thực hiện

Trước tiên, phân tích quá trình để xác định hoạt động không tạo ra giá trị hoặc không cần thiết để loại bỏ.

Bước 2, liên quan đến việc xác định và loại bỏ nguồn phát sinh chi phí đã tạo ra sự lãng phí hoặc những hoạt động không cần thiết hoặc không hiệu quả.

Cuối cùng, đo lường thành quả của từng hoạt động đóng góp vào mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Theo Ted R Compton (1994) cho rằng có được thông tin chính xác từ phương pháp ABC mới chỉ là một nửa đoạn đường. Quản trị dựa trên hoạt động (ABM) bổ sung cho phương pháp ABC

bằng cách sử dụng thông tin từ ABC trong việc phân tích quá trình để xác định những hoạt động không hiệu quả hoặc không tạo ra giá trị. Từ đó nhà quản trị có thể liên tục cải tiến các hoạt động.

1.4.2. Phân tích nguyên nhân và hoạt động tạo ra chi phí

- Phân tích nguyên nhân là việc xác định các nhân tố gốc rễ gây nên chi phí hoạt động.. Khi nguyên nhân gốc rễ được xác định, thì có thể có giải pháp để cắt giảm chi phí.

- Phân tích hoạt động là quá trình xác định, mô tả, đánh giá hoạt động trong một tổ chức.

1.5. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI KHI ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở VIỆT NAM

1.5.1. Những khó khăn

- Cơ sở lý luận về phương pháp ABC chưa được nhiều người biết đến, các tài liệu liên quan đến phương pháp này

- Các quy định của báo cáo tài chính về phản ánh báo cáo chi phí theo phương pháp ABC cũng như các thông tư hướng dẫn khác chưa có.

- Tâm lý của người Việt Nam nói chung là khó thay đổi với thói quen

- Phương pháp này đòi hỏi phải kết hợp của nhiều phòng ban, nhiều bộ phận của doanh nghiệp

1.5.2. Những thuận lợi

Quy trình thực hiện sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, nhiều hoạt động, nhiều nguyên nhân gây ra chi phí.

Chi phí gián tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tác giả cũng nhấn mạnh vào yếu tố cần thiết để thực hiện thành công phương pháp ABC, đồng thời cũng nêu rõ vai trò quan trọng của việc thiết lập các hoạt động thông qua 5 cấp độ hoạt động khác nhau cũng như nguyên tắc gộp các hoạt động trên cơ sở cân nhắc giữa chi phí bỏ ra cho việc theo dõi các hoạt động và nhu cầu về tài chính. Bên cạnh đó, việc lựa chọn tiêu thức phân bổ là trọng tâm đổi mới của phương pháp ABC và là nơi tổn kém chi phí nhất trong việc vận hành phương pháp này, cần thiết phải thiết lập những tiêu thức phân bổ lần đầu để làm chuẩn cho các lần phân bổ sau nhằm bảo đảm vận dụng tốt phương pháp này.

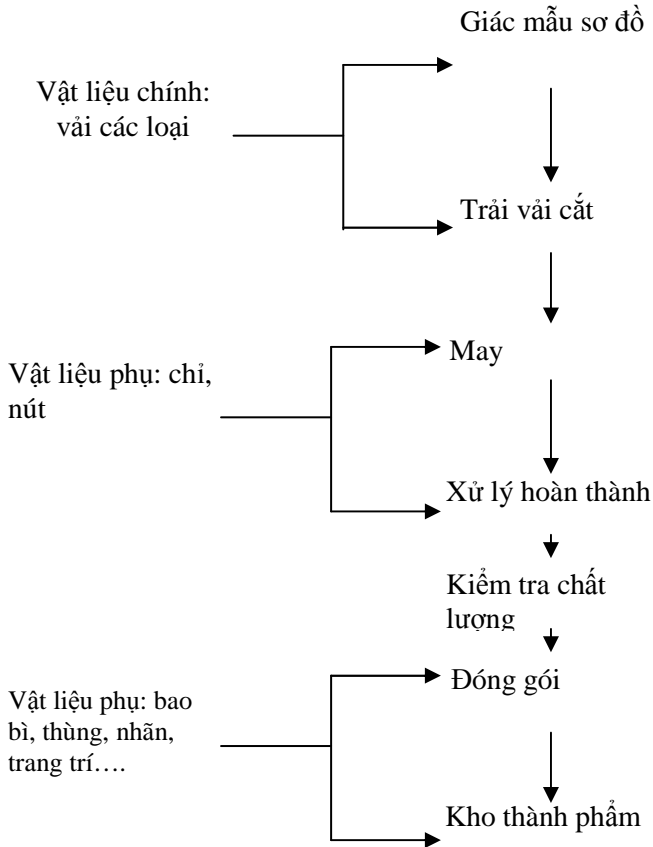
CHƯƠNG 2

QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG NGÀNH MAY – TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG QUẢNG NAM

2.1. KHÁI QUÁT QUI TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP MAY VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH

2.1.1. Khái quát qui trình sản xuất sản phẩm trong các doanh nghiệp may

Có thể minh họa khái quát qui trình sản xuất ngành may nói chung như sau:



2.1.2. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG QUẢNG NAM

2.1.2.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty cổ phần may Trường Giang

a- Sự hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần may Trường Giang tiền thân là xí nghiệp may Tam Kỳ, được hình thành theo quyết định số 1375/QĐ – UB ngày 31/07/1979 của UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng.

Tên công ty: Công ty cổ phần may Trường Giang sản phẩm khép kín, tính chất làm ra sản phẩm không phức tạp, chu kỳ sản xuất ngắn.

Tên giao dịch: TRƯỜNG GIANG GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TGC.

Địa chỉ: 239 Huỳnh Thúc Kháng – Tam kỳ - Quảng Nam.

Điện thoại: 0510.385.1268.

Trong quá trình ổn định và phát triển, năm 1987 Công ty cổ phần may Trường Giang liên kết với UBND thị xã Tam Kỳ đầu tư 160 máy, với trị giá 190.000USD, mở rộng ra thị trường nước ngoài và tham gia xuất khẩu gia công hàng hóa theo hiệp định 19/05 của Liên Xô trước đây. Trong thời gian này chủ yếu sản xuất áo sơ mi, Pluse, drap. Năm 1989 – 1990 thị trường Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, xí nghiệp may Tam Kỳ chuyển hướng sang các nước tư bản chủ nghĩa với mặt hàng như: Áo Jacket 1 lớp và 2 lớp, quần áo thể thao sang các nước Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và khối EU. Đồng thời gia công hàng xuất khẩu, mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu của xã hội.

Ngày 24/12/1993 UBND Tỉnh Quảng nam – Đà Nẵng ra Quyết định số 2114/QQĐ-UB đổi tên gọi Xí nghiệp may Tam Kỳ thành Công ty may Trường Giang.

Ngày 22/09/2005, Công ty đã chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần lấy tên là Công ty cổ phần may Trường Giang.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là may gia công xuất khẩu với các sản phẩm chính: Áo Jacket, quần short, quần áo thể thao, quần áo trượt tuyết và các mặt hàng may mặc khác.

b- Chức năng và nhiệm vụ của công ty

- + Tổ chức gia công hàng xuất khẩu thu lợi nhuận
- + Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, được phép xuất khẩu hàng hóa.
- + Xây dựng và thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tổ chức tiêu thụ sản phẩm hàng may mặc thu lợi nhuận trên cơ sở đáp ứng tối đa nhu cầu thị hiếu của khách hàng.
- + Thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

c- Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Sơ đồ tổng quát nhà xưởng của công ty hình thành nên một quy trình khép kín gồm: Kho nguyên phụ liệu, phân xưởng may, phân xưởng cắt, phân xưởng hoàn thành.

2.1.2.2. Quy trình công nghệ và cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty cổ phần may Trường Giang

a- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty

Quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty cổ phần may Trường Giang là theo chuỗi quy trình khá phức tạp đòi hỏi tính liên tục, trải qua nhiều công đoạn khác nhau để hình thành một sản phẩm.

- + Giai đoạn 1: Là khâu sản xuất phụ, chuẩn bị cho khâu sản xuất chính. Tại đây bộ phận trải vải, căn cứ sơ đồ tiếp tục tiếp nhận các bán thành phẩm theo mẫu, công phụ liệu chuyển qua giai đoạn 2.
- + Giai đoạn 2: Bao gồm nhiều công đoạn sản xuất khác nhau, để tạo ra sản phẩm cuối cùng. Đây là giai đoạn sản xuất chính,

sau khi cắt ra bán thành phẩm là các công đoạn như vắt sỏ, ủi bán thành phẩm theo đúng kỹ thuật. Bộ phận may có nhiệm vụ ráp nối, may cắt bán thành phẩm, đóng nút theo yêu cầu mã hàng cụ thể. Ở giai đoạn này cần phải thực hiện một cách liên tục và mỗi công nhân trong dây chuyền máy chỉ thực hiện một số công đoạn nhất định.

+ Giai đoạn 3: Bao gồm các công đoạn: ủi thành phẩm, xếp bỏ bao, đóng vào thùng và chuyển vào kho thành phẩm.

b- Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty cổ phần may Trường Giang Quảng Nam

- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Ban kiểm soát
- Phó giám đốc
- Phòng kế hoạch – kinh doanh.
- Phòng kế toán – tài vụ
- Phòng tổ chức hành chính.

Bộ phận trực tiếp sản xuất:

- + Phân xưởng cắt
- + Phân xưởng may.
- + Phân xưởng hoàn thành
- Tổ KCS

2.1.2.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần may Trường Giang Quảng Nam

a- Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty: Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung.

b- Hình thức kế toán áp dụng ở Công ty: Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sỏ.

2.1.2.4. Một số chính sách kế toán áp dụng liên quan kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành ở Công ty

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính nộp thuế GTGT: Công ty áp dụng việc tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Kỳ tính giá thành tại công ty: là khi sản phẩm hoàn thành. Vì do đặc điểm của công ty là nhận gia công sản phẩm theo hợp đồng ký kết với khách hàng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ tại công ty: Trích theo phương pháp đường thẳng.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG

2.2.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty

- Kỹ thuật mẫu mã và vải do khách hàng cung cấp, nên chi phí về vải may sẽ không hạch toán vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Công ty nhận gia công sản phẩm nên chi phí nhân công sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của công ty.

- Tình hình thực tế tại Công ty mà chi phí sản xuất sản phẩm bao gồm nhiều loại rất đa dạng và phong phú để phù hợp với tình hình sản xuất tại Công ty.

2.2.2. Tổ chức quá trình tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất ở Công ty

2.2.2.1. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Do đặc điểm sản xuất của công ty là chuyên may gia công theo hợp đồng với khách hàng nên vải và các vật liệu chính chủ yếu do khách hàng cung cấp. Công ty chỉ bỏ ra một phần chi phí về vật

liệu nên chi phí NVL do Công ty bỏ ra chiếm tỷ trọng rất ít. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: gồm chi phí vận chuyển giao nhận nguyên vật liệu của khách hàng về nhập kho của công ty và chi phí Chỉ may.

2.2.2.2. Đối với chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm như: công nhân thực hiện cắt vải, công nhân may (ráp), vắt sổ,... kể cả các tổ trưởng ở các phân xưởng. Ngoài ra chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản trích theo lương của các nhân viên nói trên.

2.2.2.3. Đối với chi phí sản xuất chung

- Tại Công ty cổ phần may Trường Giang, chi phí sản xuất chung bao gồm:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: tiền lương, các khoản trích theo lương của cán bộ nhân viên phân xưởng.

+ Chi phí phụ liệu: gồm phụ liệu xuất dùng cho sản xuất trong phân xưởng như xuất răng cưa, ốc vít, dây curoa....

+ Chi phí dụng cụ sản xuất: gồm công cụ dụng cụ xuất dùng trong phân xưởng như: thước dây, bút bi, phấn sáp.....

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: gồm khấu hao TSCĐ dùng ở phân xưởng: nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất....

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm chi phí điện, chi phí phục vụ tiếp khách, chi phí lưu kho, lao vụ....

2.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty may Trường Giang

2.2.3.1. Đánh giá sản phẩm dở dang ở Công ty

Với đặc điểm của Công ty là may gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng nên việc tính giá thành là từng loại sản phẩm theo hợp

đồng hoàn thành. Chính vì vậy mà Công ty không đánh giá sản phẩm dở dang.

Cuối tháng, kế toán căn cứ sổ chi tiết TK 621, 622, 627 lên sổ chi tiết TK 154.

2.2.3.2. Tính giá thành sản phẩm ở Công ty

Công ty tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành từng loại sản phẩm theo hợp đồng.

2.2.4. Đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần may Trường Giang

2.2.4.1. Ưu điểm:

- Hệ thống sổ kế toán chi tiết phục vụ công tác kế toán chi phí sản xuất ở Công ty được tổ chức phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và đặc điểm sản phẩm của Công ty.

- Công ty đã tổ chức được bộ phận thống kê phân xưởng có nhiệm vụ theo dõi những nghiệp vụ phát sinh tại nơi sản xuất.

- Ít tốn thời gian, công sức và cung cấp giá thành sản phẩm kịp thời cho yêu cầu lập báo cáo tài chính của Công ty.

2.2.4.2. Nhược điểm:

- Công ty chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phân loại chi phí

- Đặc điểm về qui trình sản xuất sản phẩm tại Công ty trải qua nhiều công đoạn nhưng Công ty không tập hợp chi phí sản xuất theo từng công đoạn.

- Công ty phân bổ chi phí chỉ dựa trên một tiêu thức đó là : “doanh thu” (giá trị hợp đồng).

- Công ty chưa tổ chức khoa học các báo về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, chưa phân tích sự biến động về chi phí phục vụ quản trị Công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luận văn đã tập trung làm rõ phương pháp tính giá thành mà Công ty đang áp dụng. Đối với các chi phí sản xuất chung, Công ty đã phân bổ cho từng loại sản phẩm theo doanh thu nên xảy ra tình trạng một số loại sản phẩm có doanh thu cao nhưng chi phí sản xuất chung thực tế sử dụng lại thấp do đó giá thành sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh cũng như hiệu quả của Công ty. Chính vì những vấn đề đó mà Công ty nên áp dụng phương pháp mới, đó là phương pháp ABC, phương pháp mới khắc phục được những nhược điểm của phương pháp cũ tuy nhiên phương pháp mới cũng có những mặt hạn chế nhất định của nó.

CHƯƠNG 3

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC CHO NGÀNH MAY VÀ CỤ THỂ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG QUẢNG NAM

3.1. CƠ SỞ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC CHO NGÀNH MAY VÀ CỤ THỂ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG

3.1.1. Sự cần thiết của việc vận dụng phương pháp ABC vào ngành may nói chung và Công ty cổ phần may Trường Giang nói riêng.

3.1.1.1. Sự cần thiết của việc vận dụng phương pháp ABC cho ngành may nói chung

Qua tìm hiểu các doanh nghiệp may Việt Nam nói chung, việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành chỉ phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Qua đặc điểm qui trình công nghệ may nói

chung thì ta thấy một số sản phẩm có nguồn phát sinh chi phí là khác nhau từ các hoạt động.

Qua qui trình công nghệ may nói chung ta thấy: Mặc dù quy trình sản xuất phức tạp trải qua nhiều công đoạn, nhưng các công đoạn được phân công cho từng phân xưởng sản xuất rất rõ ràng.

Xuất phát từ những lý do trên ngành may nói chung cần thiết phải áp dụng phương pháp tính giá mới đó là phương pháp ABC.

3.1.1.2. Khả năng vận dụng phương pháp ABC tại Công ty cổ phần may Trường Giang Quảng Nam

- Với đặc thù ngành may hiện nay tại Công ty với đội ngũ công nhân viên lành nghề, có kinh nghiệm quản lý trong nhiều năm, có trình độ nghiệp vụ cao và có khả năng tiếp nhận những tiến bộ khoa học công nghệ

- Đặc biệt đội ngũ kế toán có kinh nghiệm qua nhiều năm và trình độ nghiệp vụ luôn được bồi dưỡng, có thể đáp ứng các yêu cầu đặt ra.

- Hiện nay, tại Công ty đã tổ chức được bộ phận thống kê phân xưởng có nhiệm vụ theo dõi những vấn đề phát sinh tại nơi sản xuất

- Các sản phẩm sản xuất trải qua nhiều công đoạn, các công đoạn được phân công cho từng phân xưởng rất rõ ràng

- Đặc điểm sản xuất của Công ty là may gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng với khách hàng, trong tổng giá thành sản phẩm thì chi phí gián tiếp do công ty bỏ ra chiếm tỷ trọng lớn.

3.1.2. Lựa chọn mô hình ABC cho công ty cổ phần may Trường Giang – Quảng Nam

Luận văn vận dụng có cải tiến mô hình tính giá dựa trên cơ sở hoạt động của Narcyz Rozocki (1999), mô hình này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp, nó phụ thuộc đặc điểm qui trình sản xuất và

tổ chức sản xuất, trong đó, qui trình sản xuất và tổ chức sản xuất ở Công ty may Trường Giang trải qua nhiều công đoạn, nhiều hoạt động gây ra chi phí khác nhau, nên có thể vận dụng được mô hình này cho chi phí sản xuất chung: chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí công cụ dụng cụ,...

3.2. TỔ CHỨC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ABC Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG GIANG QUẢNG NAM

3.2.1. Phân tích quá trình sản xuất tại Công ty thành các hoạt động

Dựa vào qui trình sản xuất của Công ty, có thể phân chia quá trình sản xuất thành các hoạt động sau:

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| + Hoạt động cắt | + Hoạt động kiểm tra chất |
| + Hoạt động vắt sổ | lượng |
| + Hoạt động may (ráp) | + Hoạt động gấp xếp, đóng |
| + Hoạt động ủi | gói |
| + Hoạt động đóng nút | + Hoạt động hỗ trợ chung. |

3.2.2. Kế toán phân bổ chi phí sản xuất trực tiếp cho từng loại sản phẩm

3.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Thực tế hiện nay, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp do Công ty bỏ ra chủ yếu gồm chi may và chi phí vận chuyển nguyên vật liệu nhận gia công, tại Công ty không tập hợp riêng cho từng loại sản phẩm mà tập hợp chung sau đó phân bổ chi phí cho từng loại sản phẩm theo doanh thu. Đối với chi phí nguyên vật liệu Chỉ thì phải tính theo định mức tiêu hao (do phòng kỹ thuật cung cấp), còn đối với chi phí vận chuyển nguyên vật liệu về gia công thì phân bổ theo định mức tiêu hao vật liệu vải.

3.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Đối với chi phí này không chỉ phụ thuộc vào đơn giá lương mà còn phụ thuộc vào định mức công lao động.

3.2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

a. Chi phí khấu hao tài sản cố định

Hiện nay chi phí khấu hao được tính vào chi phí sản xuất chung rồi cuối kỳ phân bổ cho từng loại sản phẩm theo doanh thu. Qua việc quan sát được ở phân xưởng, tác giả phân loại tài sản cố định theo từng lĩnh vực hoạt động. Tài sản cố định phục vụ cho hoạt động nào thì chi phí khấu hao tài sản cố định được trích và tính trực tiếp cho hoạt động đó, các tài sản cố định dùng chung cho nhiều hoạt động thì tính vào hoạt động hỗ trợ chung.

b. Chi phí công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ của Công ty gồm nhiều loại, phục vụ cho sản xuất. Một số dụng cụ dùng cho sản xuất được phân chia tương đối rõ ràng cho từng hoạt động, một số dụng cụ khác thì dùng chung cho nhiều hoạt động. Do vậy dụng cụ nào dùng trực tiếp cho từng hoạt động thì ta tính trực tiếp cho hoạt động đó, các dụng cụ khác ta tính vào hoạt động hỗ trợ chung.

c. Chi phí nhân viên phân xưởng

Chi phí nhân viên phân xưởng gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận gián tiếp như lương và các khoản trích theo lương của: quản đốc phân xưởng, thủ kho, nhân viên kế toán phân xưởng, công nhân vận chuyển, sửa chữa tại phân xưởng. Đối với chi phí nhân công trực tiếp phụ thuộc vào đơn giá lương và số giờ công lao động, sản phẩm nào có định mức giờ công nhiều thì chi phí NCTT cho sản phẩm đó lớn. Vì vậy, nhân viên quản lý phân

xưởng cho sản phẩm đó mất nhiều thời gian hơn. Điều này nghĩa là sản phẩm nào có chi phí nhân công trực tiếp lớn thì chi phí nhân viên phân xưởng cũng lớn. Chính vì vậy, đối với chi phí nhân viên phân xưởng được phân bổ theo chi phí nhân công trực tiếp.

d. Chi phí điện, nước

Chi phí điện, nước gồm điện thắp sáng, điện, nước sinh hoạt, điện phục vụ sản xuất. Tất cả các hoạt động trong Công ty đều sử dụng nguồn lực này. Trên thực tế, mức tiêu hao điện, nước có thể phân bổ cho từng hoạt động thông qua đồng hồ đo (nếu có) hay công suất của các thiết bị sử dụng. Đối với các phân xưởng sản xuất, chi phí tiền điện, nước nhìn chung phụ thuộc vào công suất của máy móc thiết bị sử dụng cho từng hoạt động.

e. Chi phí khác bằng tiền

Chi phí khác bằng tiền như: Văn phòng phẩm, trang trí, tiếp khách....các chi phí này dùng chung cho tất cả các hoạt động nên tính vào hoạt động hỗ trợ chung.

Dựa vào việc phân tích trên, cùng với số việc trực tiếp quan sát tại phân xưởng trong tháng 03 năm 2010, ta có được bảng tổng hợp chi phí gián tiếp và nguồn phát sinh chi phí như bảng sau:

Chi phí gián tiếp và nguồn sinh phát sinh chi phí

Chi phí	Nguồn phát sinh chi phí
Chi phí nhân viên phân xưởng	Chi phí nhân công trực tiếp
Chi phí NVL dùng chung cho PX	Hoạt động hỗ trợ chung
Chi phí công cụ dụng cụ	Cho từng hoạt động
Chi phí khấu hao TSCĐ	Cho từng hoạt động
Chi phí tiền điện	Số KWh điện sử dụng
Chi phí bằng tiền khác	Hoạt động hỗ trợ chung

3.2.3. Xác định chi phí hoạt động cho từng loại sản phẩm và tính giá thành từng loại sản phẩm

3.2.3.1. Xác định chi phí hoạt động cho từng sản phẩm

Các sản phẩm nói trên đều có quy trình công nghệ sản xuất qua các giai đoạn giống nhau. Dựa vào mối liên hệ giữa hoạt động và sản phẩm tác giả xác định nguồn sinh phí của các hoạt động như sau:

Xác định nguồn sinh phí của các hoạt động

Hoạt động	Nguồn sinh phí
Hoạt động cắt	Chi phí nhân công trực tiếp
Hoạt động vắt sổ	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Hoạt động may (ráp)	Chi phí nhân công trực tiếp
Hoạt động ủi	Chi phí nhân công trực tiếp
Hoạt động đóng nút	Chi phí nhân công trực tiếp
Hoạt động kiểm tra CL	Chi phí nhân công trực tiếp
Hoạt động đóng gói	Chi phí nhân công trực tiếp
Hoạt động hỗ trợ chung	Chi phí nhân công trực tiếp

3.2.3.2. Tính giá thành cho từng loại sản phẩm

Sau khi chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp của từng loại sản phẩm được xác định, ta lập bảng tính giá thành như sau:

3.2.4 . So sánh giá thành theo phương pháp ABC và phương pháp hiện tại của Công ty cổ phần may Trường Giang

So sánh kết quả tính toán được theo pháp ABC với số liệu của Công ty, có thể nhận thấy sự khác biệt đáng kể về giá thành của từng loại sản phẩm. Số liệu so sánh ở bảng sau:

Sản phẩm	Phương pháp ABC	Phương pháp truyền thống	Chênh lệch
Áo Jacket	47.650	60.295	-12.645
Quần Short	10.285	10.049	+236
Váy	12.936	11.389	+1.547

Kết quả so sánh trên cho thấy giá thành của sản phẩm Áo Jacket tính theo phương pháp ABC thấp hơn so với cách tính truyền thống của Công ty. Trong khi đó giá thành của sản phẩm Quần Short và Váy cao hơn so với phương pháp truyền thống, đặc biệt là sản phẩm Váy cao hơn 1.547 đồng/sp.

Qua việc tính toán và phân tích giữa 2 phương pháp ta có thể nhận thấy sự khác biệt rất rõ là do tiêu thức được lựa chọn để phân bổ chi phí chung. Vì vậy, khi phân bổ chi phí chung cho các sản phẩm không chỉ đơn thuần dựa vào một tiêu thức là doanh thu mà phải lựa chọn nhiều tiêu thức phân bổ mới bảo đảm cho giá thành chính xác hơn. Điều này chứng tỏ nếu áp dụng phương pháp tính giá ABC sẽ phản ánh đúng giá thành cho từng loại sản phẩm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua chương 3, tác giả đã vận dụng phương pháp tính giá ABC vào Công ty cổ phần may Trường Giang, qua đó đã so sánh kết quả giữa phương pháp tính giá ABC và phương pháp tính giá truyền thống hiện tại ở Công ty. Kết quả so sánh cho thấy phương pháp tính giá ABC đã xác định giá thành từng loại sản phẩm được chính xác hơn.

KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện việc tính giá theo phương pháp ABC sẽ liên quan đến kinh phí và nhân lực của Công ty. Ngoài ra còn phải chú ý một số mặt về công tác tổ chức như:

- Phòng kế toán phải phân công người trực tiếp tham gia thực hiện hệ thống tính giá ABC.

- Cần phải thiết lập bộ phận quản lý phân xưởng một cách cụ thể, theo dõi từng hoạt động gây ra chi phí, để từ đó cung cấp thông tin cho các bộ phận có liên quan.

Áp dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC) là một cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp may mặc ở Việt Nam nói chung, cũng như Công ty cổ phần may Trường Giang nói riêng. Qua luận văn, đã nêu được một số điểm nổi bật:

- Luận văn cho thấy việc vận dụng phương pháp ABC tại Công ty cổ phần may Trường Giang Quảng Nam đã giúp cho Công ty tính giá thành chính xác hơn so với phương pháp tính giá truyền thống.

- Bên cạnh những mặt đã đạt được, luận văn còn có những hạn chế nhất định, các tài liệu chủ yếu là sách nước ngoài nên tác giả đôi khi chưa hiểu rõ nghĩa hết.

- Tính giá thành theo phương pháp ABC ở các doanh nghiệp trong nước còn ít áp dụng nên cũng gặp rất nhiều khó khăn khi tham khảo thực tế, học hỏi kinh nghiệm về cách tính giá này tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ngành may thì hầu như chưa có.